TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN PHƯỚC LONG** **TỈNH BẠC LIÊU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 07/2021/HNGĐ-ST
Ngày: 03 – 03 – 2021
V/v tranh chấp ly hôn và nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHƯỚC LONG – TỈNH BẠC LIÊU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Yến Ly**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Trần Văn Phước**

2. Bà **Dương Thị Tú Phương**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Ngân** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phước Long, tỉnh Bạc Liêu.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phước Long, tỉnh Bạc Liêu *tham gia phiên tòa:* Bà **Lý Thị Nhiên** – Kiểm sát viên.

Ngày 03 tháng 3 năm 2021, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phước Long xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 326/2020/TLST-HNGĐ ngày 02 tháng 12 năm 2020 về việc "Tranh chấp ly hôn và nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 06/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 20 tháng 01 năm 2021 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị **Nguyễn Thị N,** sinh năm 1991; Địa chỉ: ấp P, thị trấn Ph, huyện P, tỉnh Bạc Liêu. *(Vắng mặt)*

2. Bị đơn: Anh **Huỳnh Văn Q,** sinh năm 1986; Địa chỉ: ấp M, xã V, huyện P, tỉnh Bạc Liêu. *(Vắng mặt)*

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện, lời khai có trong hồ sơ vụ án nguyên đơn chị Nguyễn Thị N trình bày:*

Về hôn nhân: Chị và anh Q tự nguyện sống chung từ năm 2011, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã V và được cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 05/7/2016. Vợ chồng chị đã ly thân từ tháng 9/2020 đến nay do thường xuyên mâu thuẫn, sống chung không hợp. Nay chị yêu cầu được ly hôn với anh Q.

Về con chung: Chị và anh Q có hai người con chung là Nguyễn Văn H, sinh ngày 11/5/2011 và Huỳnh Thu T, sinh ngày 19/7/2016, hiện đang sống với chị. Chị

yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng hai người con chung và không yêu cầu anh Q cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Bị đơn anh Huỳnh Văn Q đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vắng mặt nên Tòa án không lấy được lời khai.*

** Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phước Long phát biểu ý kiến:*

- Về thủ tục tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán và Hội đồng xét xử đúng theo quy định pháp luật tố tụng dân sự; Đối với nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng, bị đơn chưa chấp hành quy định tại khoản 15, 16 Điều 70 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung vụ án:

+ Về hôn nhân: Căn cứ theo khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, cho chị N được ly hôn với anh Q.

+ Về con chung: Giao cháu Nguyễn Văn H, sinh ngày 11/5/2011 và Huỳnh Thu T, sinh ngày 19/7/2016 cho chị N được tiếp tục chăm sóc, giáo dục. Anh Q có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

+ Về tài sản chung, nợ chung, cấp dưỡng: Do đương sự không yêu cầu nên không đặt ra xem xét giải quyết.

+ Về án phí: Chị N phải chịu 300.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[2] Về thẩm quyền và thủ tục tố tụng: Chị N khởi kiện yêu cầu ly hôn với anh Q, anh Q đang cư trú trên địa bàn huyện P nên căn cứ vào khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án nhân dân huyện Phước Long thụ lý và giải quyết là đúng thẩm quyền. Anh Q đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt, chị N có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử giải quyết vắng mặt chị N và anh Q là phù hợp theo quy định tại khoản 2 Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về hôn nhân: Chị N và anh Q tự nguyện sống chung từ năm 2011 và có đăng ký kết hôn đúng theo quy định nên hôn nhân giữa chị N và anh Q là hôn nhân hợp pháp. Tuy nhiên, chị N và anh Q đã ly thân từ tháng 9 năm 2020 đến nay, xét thấy theo quy định tại Điều 19 Luật Hôn nhân và gia đình thì vợ chồng có nghĩa vụ sống chung với nhau nhưng chị N và anh Q không sống chung với nhau mà hai bên không có hành động gì để hàn gắn quan hệ hôn nhân, mặc khác Tòa án đã triệu tập nhiều lần nhưng anh Q vẫn không đến, như vậy anh Q đã bỏ mặc quan hệ hôn nhân này. Từ đó cho thấy hôn nhân của chị N và anh Q đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được nên căn

cứ theo khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị N, cho chị N ly hôn với anh Q.

[4] Về con chung: Căn cứ theo tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ và lời khai của chị N thì chị N và anh Q có hai người con chung là Nguyễn Văn H, sinh ngày 11/5/2011 và Huỳnh Thu T, sinh ngày 19/7/2016, hiện đang sống với chị N. Anh Q đã được Tòa án thông báo về việc yêu cầu nuôi con chung của chị N nhưng anh N không có ý kiến gì đối với yêu cầu của chị N. Xét thấy, cháu H và cháu T sống cùng với chị N từ khi ly thân đến nay và phát triển tốt, chị N có đủ điều kiện nuôi con chung. Đồng thời, tại biên bản lấy ý kiến ngày 08/01/2021 cháu H có nguyện vọng sống cùng với chị N. Do đó căn cứ vào khoản 2 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, để bảo đảm quyền lợi về mọi mặt của cháu H và cháu T, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị N: Giao cháu Nguyễn Văn H, sinh ngày 11/5/2011 và Huỳnh Thu T, sinh ngày 19/7/2016 cho chị N được tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục. Anh Q có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

[5] Về cấp dưỡng: Chị N xác định đủ điều kiện nuôi con chung, không yêu cầu anh Q cấp dưỡng nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

[6] Về tài sản chung: Các đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

[7] Từ những nhận định trên, xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[8] Về án phí: Chị N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định. Anh Q không phải chịu án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 28, 35, 39, 147, 227, 228, 271, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015;

Căn cứ vào các Điều 19, 56, 81, 82 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Cho chị Nguyễn Thị N ly hôn anh Huỳnh Văn Q.

2. Về con chung: Giao cháu Nguyễn Văn H, sinh ngày 11/5/2011 và cháu Huỳnh Thu T, sinh ngày 19/7/2016 cho chị Nguyễn Thị N được tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục. Anh Huỳnh Văn Q có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

Về cấp dưỡng: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

3. Về tài sản chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

4. Về án phí: Chị Nguyễn Thị N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn không có giá ngạch là 300.000 đồng. Chị N đã dự nộp số tiền tạm ứng án phí là 300.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0009760 ngày 02/12/2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phước Long nên được chuyển sang thu án phí.

Anh Huỳnh Văn Q không phải chịu án phí.

5. Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Đối với đương sự không có mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo được tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết./.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND huyện Phước Long;
- Chi cục THADS huyện Phước Long;
- TAND tỉnh Bạc Liêu;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Yến Ly